

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức chi, nội dung chi và lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP, ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi, nội dung chi và lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức chi, nội dung chi và lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Chi xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch

a) Đối với cấp tỉnh:

- Xây dựng đề cương
- + Xây dựng đề cương chi tiết: 1.200.000 đồng/đề cương.
- + Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát: 2.000.000 đồng/đề cương.
- Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch
- + Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch: 3.000.000 đồng/Chương trình, Đề án, Kế hoạch.
- + Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến: 500.000 đồng/báo cáo.
- Tổ chức họp, tọa đàm góp ý
- + Chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi.
- + Thành viên dự: 100.000 đồng/người/buổi.
- Ý kiến tư vấn của chuyên gia: 500.000 đồng/văn bản.
- Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch
- + Chủ tịch Hội đồng: 200.000 đồng/người/buổi.
- + Thành viên Hội đồng, thư ký 150.000 đồng/người/buổi.
- + Đại biểu được mời tham dự 100.000 đồng/người/buổi.
- + Nhận xét, phản biện của Hội đồng 300.000 đồng/bài viết.
- + Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng 200.000 đồng/bài viết.
- Lấy ý kiến thẩm định (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch) 500.000 đồng/bài viết.
- Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch 500.000 đồng/văn bản.

b) Đối với cấp huyện

Mức chi bằng 50% các mức chi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

c) Đối với cấp xã

Mức chi bằng 30% các mức chi cho việc xây dựng đề cương; soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch và họp góp ý Chương trình, Đề án, Kế hoạch theo Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Đối với báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, huyện: Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiêu mục 1.1 Mục 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC, ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

b) Đối với tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật: 200.000 đồng/buổi.

c) Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật: Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiêu mục 1.1 Mục 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

d) Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù:

Ngoài mức chi được quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều này còn được hưởng thêm 20% mức chi được hưởng.

3. Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù

a) Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) sau khi hoàn thành: 1.000.000 đồng/bộ.

b) Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) sau khi đã hoàn thành: 300.000 đồng/tình huống.

c) Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) sau khi đã hoàn thành: 1.500.000 đồng/câu chuyện.

d) Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia) sau khi đã hoàn thành: 5.000.000 đồng/tiểu phẩm.

4. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi

a) Đối với cuộc thi, hội thi cấp tỉnh

- Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác: Áp dụng Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT, ngày 26 tháng 4 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.

- Chi tổ chức cuộc thi sân khấu có thêm mức chi đặc thù sau:

+ Thuê dẫn chương trình: Tùy theo quy mô, Thủ trưởng cơ quan tổ chức thực hiện có trách nhiệm quyết định thuê số lượng người dẫn chương trình nhưng tối đa không quá 02 người dẫn chương trình/hội thi và mức chi 2.000.000 đồng/người/ngày.

+ Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: Tùy theo quy mô, Thủ trưởng cơ quan tổ chức thực hiện có trách nhiệm quyết định mức thuê nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng/ngày/hội thi.

+ Thuê văn nghệ, diễn viên: Tùy theo quy mô, Thủ trưởng cơ quan tổ chức thực hiện có trách nhiệm quyết định thuê số lượng diễn viên, văn nghệ nhưng tối đa không quá 10 diễn viên/hội thi và mức chi 300.000 đồng/người/ngày.

- Chi giải thưởng

+ Giải nhất

Tập thể	10.000.000 đồng/tập thể.
Cá nhân	6.000.000 đồng/cá nhân.

+ Giải nhì

Tập thể	7.000.000 đồng/tập thể.
Cá nhân	3.000.000 đồng/cá nhân.

+ Giải ba

Tập thể	5.000.000 đồng/tập thể.
Cá nhân	2.000.000 đồng/cá nhân.

+ Giải khuyến khích

Tập thể	3.000.000 đồng/tập thể.
Cá nhân	1.000.000 đồng/cá nhân.

+ Giải phụ

500.000 đồng/giải.

b) Đối với cuộc thi, hội thi cấp huyện

Nội dung chi, mức chi bằng 50% của các mức chi quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

5. Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở

a) Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh (bao gồm cả biên soạn, thẩm định, biên tập): 75.000 đồng/trang/350 từ.

b) Bồi dưỡng phát thanh

- Phát thanh bằng tiếng Việt 15.000 đồng/lần.

- Phát thanh bằng tiếng dân tộc 20.000 đồng/lần.

c) Tài liệu phát thanh phải được Thủ trưởng cơ quan truyền thông; phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định.

6. Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tử sách pháp luật

- Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật hàng năm: Theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác tử sách pháp luật: 2.000.000 đồng/tử/năm.

- Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần: 100.000 đồng/lần.

- Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách: 50.000 đồng/lần/người nhưng tối đa không quá 04 lần/năm.

7. Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các ngành, địa phương

- Cấp tỉnh 50.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện 25.000 đồng/báo cáo.

b) Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án 50.000 đồng/văn bản.

c) Viết báo cáo

- Báo cáo định kỳ hàng năm của các ngành, địa phương theo quy định:

+ Báo cáo của UBND tỉnh 3.000.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo các ngành tỉnh 1.000.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo của cấp huyện 1.000.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo của cấp xã 500.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền:

+ Báo cáo của UBND tỉnh 3.000.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo các ngành tỉnh 1.000.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo của cấp huyện 1.000.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo của cấp xã 500.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền:

+ Báo cáo của UBND tỉnh 1.000.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo các ngành tỉnh 300.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo của cấp huyện 300.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo của cấp xã 200.000 đồng/báo cáo.

- Các loại báo cáo trên phải đúng thời gian, nội dung theo yêu cầu; trường hợp báo cáo không đúng thời gian, nội dung yêu cầu thì không được thanh toán.

8. Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn; huyện, thị xã, thành phố

Việc khen thưởng xã, phường, thị trấn; huyện, thị xã, thành phố được công nhận đạt chuẩn hoặc tiêu biểu về tiếp cận pháp luật được thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của cơ quan, người có thẩm quyền.

9. Các nội dung, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP, ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Điều 3. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Hằng năm các ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và văn bản liên quan, các Chương trình, Đề án, Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật đã được phê duyệt, xây dựng, ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của năm để làm căn cứ lập dự toán ngân sách.

2. Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí chi tiết phải đảm bảo đúng nội dung chi, mức chi theo quy định cùng với dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dự toán ngân sách hằng năm theo quy định.

3. Đối với kinh phí xây dựng, quản lý Tủ sách pháp luật và kinh phí hỗ trợ từ trung ương thực hiện theo quy định tại điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP.

4. Việc lập dự toán, quản lý, phân bổ, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: NC, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thành Nghiệp